

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC
TỈNH HẢI DƯƠNG

Bản án số: 01/2024/DS-ST

Ngày: 15/3/2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Ngọc

Bà Nguyễn Thị Phương Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Long - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15/3/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2023/TLST-DS ngày 25/10/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-DS ngày 12/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-DS ngày 30/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-DS ngày 28/02/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần X (XBank)

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà XBank, số xxx, phố LTK, quận HK, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P1 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Tuấn P2 – Chức vụ: Quyền giám đốc Trung tâm xử lý nợ 1.

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Linh P3 – Chức vụ: Nhân viên tổ tụng xử lý nợ, Trung tâm xử lý nợ 1 – Khôi xử lý nợ và thu hồi nợ XBank; địa chỉ: số xxx, phố N, phường Đ, quận B, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Ông Vũ Văn H1, sinh năm 1979 và bà Đặng Thị H2, sinh năm 1980

Đều cư trú tại: thôn E, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa, có mặt bà P3; vắng mặt ông H1, bà H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần X (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và vợ chồng ông Vũ Văn H1, bà Đặng Thị H2 đã ký kết các Hợp đồng tín dụng như sau:

Ngày 14/4/2022, Ngân hàng và vợ chồng ông H1, bà H2 ký Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số 1404/2022/HDTD/TTKD LTT với các nội dung chính: Số tiền vay là 973.000.000 đồng, thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên; mục đích: vay mua xe ô tô; lịch trả nợ: định kỳ 1 tháng/lần, trả vào ngày 27.

Ngày 14/4/2022, Ngân hàng và vợ chồng ông H1, bà H2 ký Hợp đồng tín dụng số 132/2022/HDTD/TTKD LTT với các nội dung chính: Số tiền vay là 20.000.000 đồng, thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên; mục đích: vay thanh toán phí bảo hiểm; lịch trả nợ: định kỳ 1 tháng/lần, trả vào ngày 27.

Hai hợp đồng trên đều có mức lãi suất: Lãi suất trong hạn: áp dụng 12 tháng kể từ ngày giải ngân là 8,9%. Áp dụng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần và bằng lãi suất cơ sở khách hàng cá nhân 3 tháng của XBank tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,3%/năm. Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất chậm trả: 10%/năm.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho khoản tiền vay 973.000.000 đồng, ông H1 và bà H2 thế chấp tài sản là 01 xe ô tô Vinfast Lux SA màu trắng, số khung: RPXAB2RXGNVxxxxx, số máy: 220460015VFxxxxx; BKS: 34A-5xx.xx theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 024xxx do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 12/4/2022 mang tên bà Đặng Thị H2.

Thực hiện hai hợp đồng tín dụng trên, ngày 15/4/2022, Ngân hàng đã giải ngân cho bên vay số tiền 993.000.000 đồng. Phương thức giải ngân: chuyển khoản cho Công ty cổ phần ô tô C số tiền 973.000.000 đồng; chuyển khoản cho Công ty TNHH BHNT S số tiền 20.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ngay sau khi vay vốn, ông H1 và bà H2 đã không trả nợ đúng thỏa thuận (vào ngày 27 hàng tháng), thường xuyên để phát sinh nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, gửi thông báo, yêu cầu ông H1, bà H2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông H1, bà H2 không trả hết nợ cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 11/9/2023, ông H1, bà H2 đã trả cho Ngân hàng số tiền là 218.423.426 đồng, trong đó nợ gốc là 140.326.927 đồng, nợ lãi là 78.096.499 đồng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Buộc bà H2 và ông H1 thanh toán cho XBank khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay cùng các khế ước giải ngân, nhận nợ, các văn bản tố tụng khác kèm theo đã ký với Ngân hàng, số tiền nợ tạm tính đến ngày 11/9/2023 là: tiền nợ gốc 852.673.073 đồng, tiền nợ lãi 50.432.474 đồng. Tổng cộng: 903.105.547 đồng.

- Bà H2 và ông H1 phải thanh toán các khoản phát sinh trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ kể từ ngày 12/9/2023 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ cho ngân hàng.

- Trong trường hợp kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực mà bà H2 và ông H1 không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho XBank, XBank có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: 01 ô tô Vinfast Lux SA ; màu trắng; số khung: RPXAB2RXGNVxxxxx; số máy: 220460015VFxxxxx; BKS: 34A-5xx.xx theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 024xxx do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 12/04/2022 cho bà Đặng Thị H2.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà H2 và ông H1 đối với XBank. Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà H2 và ông H1 có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bà H2 đã trả cho Ngân hàng 700.000.000 đồng nợ gốc. Ngân hàng tiến hành giải chấp tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô Vinfast Lux SA màu trắng, BKS: 34A-5xx.xx theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 024xxx do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 12/4/2022 mang tên bà Đặng Thị H2 và trả lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cho bà H2.

Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện về nội dung xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông H1, bà H2 không trả được nợ. Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc bà H2 và ông H1 thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 11/01/2024 là 241.239.310 đồng; bà H2 và ông H1 phải thanh toán các khoản phát sinh trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ kể từ ngày 12/01/2024 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ cho ngân hàng.

Bị đơn bà Đặng Thị H2 trình bày: Năm 2022, bà và chồng là ông Vũ Văn H1 ký hợp đồng tín dụng với XBank, số tiền nợ gốc và lãi suất được thể hiện trong các hợp đồng. Vợ chồng bà thế chấp 01 xe ô tô Vinfast Lux SA, BKS:

34A-5xx.xx để bảo đảm cho khoản vay. Sau khi Ngân hàng khởi kiện, giữa bà và Ngân hàng đã thỏa thuận lại về việc: Bà bán chiếc xe ô tô với giá 700.000.000 đồng để có tiền trả vào nợ gốc, số tiền nợ còn lại bà sẽ có trách nhiệm trả trong thời hạn 06 tháng kể từ tháng 12/2023. Ngày 16/12/2023, bà đã bán chiếc xe ô tô với giá 700.000.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để trả nợ gốc cho Ngân hàng. Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu bà trả ngay số tiền nợ gốc và lãi còn lại, bà chỉ đồng ý trả trong thời hạn 06 tháng kể từ tháng 12/2023, đề nghị Ngân hàng miễn, giảm lãi cho vợ chồng bà. Vợ chồng bà đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng do bận công việc nên vợ chồng bà không đến Tòa án làm việc.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông H1 nhưng ông H1 không đến làm việc.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các điều 116, 117, 118, 119, 274, 275 của Bộ luật Dân sự; Luật Thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X (XBank) về nội dung xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông Vũ Văn H1, bà Đặng Thị H2 không trả được nợ.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X (XBank). Buộc vợ chồng ông H1, bà H2 phải trả cho Ngân hàng toàn bộ khoản nợ chung của ông H1 và bà H2, số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (15/3/2024) gồm:

Đối với khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 1404/2022/HDTD/TTKD LTT: Tiền nợ gốc 135.496.601 đồng, tiền lãi trong hạn 79.632.859 đồng, tiền lãi quá hạn 6.231.006 đồng, tiền lãi chậm trả 4.376.451 đồng. Tổng là 225.736.917

đồng. Đối với khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 132/2022/HDTD/TTKD LTT: Tiền nợ gốc 17.174.554 đồng, tiền lãi trong hạn 1.991.467 đồng, tiền lãi quá hạn 227.099 đồng, tiền lãi chậm trả 93.159 đồng. Tổng là 19.486.279 đồng. Tổng cộng là 245.223.196 đồng.

Kể từ ngày 16/3/2024, ông H1 và bà H2 còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi của số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc còn lại cho Ngân hàng với mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tính trên dư nợ gốc chưa thanh toán. Lãi suất mà ông H1 và bà H2 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần X.

- Về án phí: Ông H1 và bà H2 phải chịu 12.261.160 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2022/0002228 ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của Ngân hàng, Tòa án đã thụ lý vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản. Do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng thế chấp tài sản nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[1.2] Bị đơn ông H1, bà H2 cư trú tại thôn E, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

[1.3] Tại phiên tòa, vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông H1, bà H2 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về nội dung xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông H1, bà H2 không trả được nợ. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử

chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện Ngân hàng đã rút.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hợp đồng tín dụng số 1404/2022/HDTD/TTKD LTT và Hợp đồng tín dụng số 132/2022/HDTD/TTKD LTT cùng ngày 14/4/2022 giữa Ngân hàng và vợ chồng ông H1, bà H2 được ký kết trên cơ sở thỏa thuận tự nguyện của các bên, bảo đảm điều kiện về chủ thể tham gia giao kết hợp đồng, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên là hợp đồng hợp pháp, có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

Đối chiếu với các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng cũng như quá trình thực hiện hợp đồng, ông H1, bà H2 đã trả cho Ngân hàng một phần tiền gốc và lãi, ngoài ra không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 27/6/2022 nên khoản nợ gốc chuyển thành nợ quá hạn và phải chịu mức lãi suất quá hạn. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H1, bà H2 phải trả tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn là có căn cứ.

Bà H2 trình bày sau khi Ngân hàng khởi kiện, giữa bà và Ngân hàng đã thỏa thuận lại về việc: Bà H2 bán chiếc xe ô tô với giá 700.000.000 đồng để trả vào tiền nợ gốc, số tiền nợ còn lại bà sẽ có trách nhiệm trả trong thời hạn 06 tháng kể từ tháng 12/2023. Theo tài liệu trong hồ sơ thể hiện: ngày 12/12/2023, bà H2 có đơn xin miễn giảm, đề nghị hỗ trợ và giải chấp tài sản, đơn có nội dung bà bán tài sản được 700.000.000 đồng, không đủ để tất toán toàn bộ nợ gốc, đề nghị Ngân hàng hỗ trợ để bà giải chấp tài sản, đối với dư nợ còn lại thì trả đều hàng tháng trong thời gian 12 tháng, đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện miễn giảm một phần lãi. Sau đó, Ngân hàng đồng ý cho bà H2 làm thủ tục giải chấp tài sản và trả lại bà H2 bản gốc giấy đăng ký xe ô tô, Ngân hàng không thỏa thuận lại nội dung khác với ông H1, bà H2 như bà H2 trình bày. Bà H2 không xuất trình được tài liệu, chứng cứ khác chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận nội dung trình bày trên của bà H2.

Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp về thông tin dư nợ đối với khoản tiền vay của ông H1, bà H2 phải trả cụ thể: Số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (15/3/2024) bao gồm:

- Đối với khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 1404/2022/HDTD/TTKD LTT: Tiền nợ gốc 135.496.601 đồng, tiền lãi trong hạn 79.632.859 đồng, tiền lãi quá hạn 6.231.006 đồng, tiền lãi chậm trả 4.376.451 đồng. Tổng là 225.736.917 đồng.

- Đối với khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 132/2022/HDTD/TTKD LTT: Tiền nợ gốc 17.174.554 đồng, tiền lãi trong hạn 1.991.467 đồng, tiền lãi quá hạn 227.099 đồng, tiền lãi chậm trả 93.159 đồng. Tổng là 19.486.279 đồng.

Tổng cộng là 245.223.196 đồng.

Bà H2 đề nghị Ngân hàng miễn, giảm một phần lãi nhưng Ngân hàng không đồng ý. Do vậy, cần buộc ông H1 và bà H2 trả tổng số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 15/3/2024 là 245.223.196 đồng. Ông H1, bà H2 còn phải trả lãi phát sinh tiếp theo từ ngày 16/3/2024 đến ngày ông H1, bà H2 trả hết số nợ gốc còn lại cho Ngân hàng với lãi suất thỏa thuận trong 02 Hợp đồng tín dụng. Lãi suất mà ông H1 và bà H2 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các điều 116, 117, 118, 119, 274, 275 của Bộ luật Dân sự; Luật Thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X (XBank) về nội dung xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông Vũ Văn H1, bà Đặng Thị H2 không trả được nợ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X (XBank).

Buộc vợ chồng ông Vũ Văn H1, bà Đặng Thị H2 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X (XBank) toàn bộ khoản nợ chung của ông H1 và bà H2, số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (15/3/2024) gồm:

- Đối với khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 1404/2022/HDTD/TTKD LTT: Tiền nợ gốc 135.496.601 đồng, tiền lãi trong hạn 79.632.859 đồng, tiền lãi quá hạn 6.231.006 đồng, tiền lãi chậm trả 4.376.451 đồng. Tổng là 225.736.917 đồng.

- Đối với khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 132/2022/HDTD/TTKD LTT: Tiền nợ gốc 17.174.554 đồng, tiền lãi trong hạn 1.991.467 đồng, tiền lãi

quá hạn 227.099 đồng, tiền lãi chậm trả 93.159 đồng. Tổng là 19.486.279 đồng.

Tổng cộng là 245.223.196 đồng.

Kể từ ngày 16/3/2024, ông H1 và bà H2 còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi của số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc còn lại cho Ngân hàng với mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tính trên dư nợ gốc chưa thanh toán. Lãi suất mà ông H1 và bà H2 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần X.

3. Về án phí: Ông H1 và bà H2 phải chịu 12.261.160 đồng án phí dân sự sơ thẩm (*làm tròn là 12.261.000 đồng*). Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X số tiền tạm ứng án phí là 19.500.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2022/0002228 ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (do bà Nguyễn Thị Linh P3 nộp).

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh